TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà; 2. Ông Lưu Đình Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 4 năm 1985 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: khu phố D, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038085001122 cấp ngày 19/8/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đình P - sinh năm: 1942 và bà: Phạm Thị H - sinh năm: 1952; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em; Vợ: Bùi Thị M - sinh năm: 1988; Con: Nguyễn Đình L - sinh năm 2020;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 30/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 31/01/2024 chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 01/11/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam Công an tỉnh T – Phân trại khu vực T.

2. **Đỗ Xuân T1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 3 năm 1990 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn P, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038090011364 cấp ngày 16/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Công C (đã chết); và bà: Lê Thị V - sinh năm: 1947; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 30/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 05/02/2024 chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân: Ngày 13/11/2020, bị UBND thị trấn V, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 01/11/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/11/2024 đến nay. Hiện bị cáo T1 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giam Công an tỉnh T – Phân trại khu vực T.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Xuân T1:* Ông Đường Xuân A - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh S1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:* Anh Bùi Văn Q, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn P. xã T (Nay là xã T), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/10/2024, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen, BKS: 36E1-026.51 từ nhà ở sang xã T gặp Đỗ Xuân T1 rủ đi chơi ma túy thì T1 đồng ý. T điều khiển xe chở T1 đi tìm mua ma túy thì gặp Bùi Văn Q (sinh năm 1994, trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa). Lúc này, T1 rủ Q đi chơi ma túy thì Q đồng ý đi cùng. Khi đi đến cầu T thuộc thôn N, xã T, huyện T, T đưa cho T1 số tiền 400.000 đồng và xe mô tô để T1 đi mua ma túy cùng sử dụng, còn T, Q đứng đợi. T1 điều khiển xe đi hướng Quốc lộ B đoạn thuộc thôn Đ, xã T thì gặp hỏi mua trực tiếp của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) 01

gói ma túy, kích thước khoảng (0,5x1) cm, loại Heroine với giá 400.000 đồng. Sau đó, T1 quay lại đưa số ma túy đã mua được cho T, đồng thời T1 đưa cho T 03 xi lanh và 02 lọ nước cất (T1 mua được vào sáng cùng ngày). Tại cánh đồng mía gần chân cầu T thuộc thôn N, xã T, huyện T, T lấy gói ma túy pha cùng với nước cất rồi bơm vào 03 xi lanh, sau đó T chia cho T1, Q và T mỗi người 01 xi lanh sử dụng dưới hình thức chích. Sau khi sử dụng xong thì Q dùng bật lửa đốt xi lanh, vỏ lọ nước cất, giấy đựng ma túy. Sau đó, T điều khiển xe chở T1, Q về nhà tại xã T, huyện T, T sau đó cũng về nhà tại thị trấn K. Đến ngày 23/10/2024, do nhận thức hành vi trái pháp luật của bản thân nên T đã đến cơ quan công an tự thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Đỗ Xuân T1 đến Công an huyện T đầu thú và thừa nhận hành vi cùng với T tổ chức sử dụng ma túy như trên.

* Kết quả test nhanh nước tiểu của Nguyễn Đình T, Đỗ Xuân T1, Bùi Văn Q đều dương tích với ma túy.

* Tại Bản kết luận giám định số 8347/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của V1 Bộ C1 đã kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy Codeine, M1 trong mẫu nước tiểu ghi thu của Đỗ Xuân T1 gửi giám định.

- Tìm thấy MAM-6 và các chất ma túy Codeine, Morphine trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Đình T và Bùi Văn Q gửi giám định.

Codeine, M1 và MAM-6 là các sản phẩm chuyển hóa của Heroine trong cơ thể .

Về người đã bán ma túy cho Đỗ Xuân T1, do T1 khai không quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Đỗ Xuân T1, Nguyễn Đình T đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định Nguyễn Đình T, Đỗ Xuân T1 đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và người khác phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Đối với Bùi Văn Q là người được Đỗ Xuân T1 rủ đi cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình tổ chức sử dụng ma túy, Q không tham gia bàn bạc, góp tiền và không có vai trò trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng Q đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. UBND xã T đã lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Q. Ngày 13/11/2024, Bùi Văn Q bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Hiện nay Bùi Văn Q đang chấp hành quyết định trên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B Thanh Hóa.

Đối với lần mua ma túy của Đỗ Xuân T1 vào sáng ngày 21/10/2024, T1 khai mua của Bùi Văn B (SN 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa) tuy nhiên B khai

khi T1 nhờ mua ma túy thì B có đi tìm mua ma túy nhưng không mua được, T1 đợi B nhưng không thấy nên cũng đã về nhà nên không có cơ sở xử lý đối với B, T1 về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập của các bị cáo xác định hiện các bị cáo không có thu nhập, tài sản. Bị cáoThắng thuộc gia đình hộ nghèo.

Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 Xe mô tô BKS: 36E1-026.51 nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen, cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 36E1-026.51 là tài sản của anh Nguyễn Minh T2 (sinh năm: 1984; trú tại khu phố E, thị trấn K, T, Thanh Hóa - là anh rể của T). Khi T mượn chiếc xe này đi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy anh T2 không biết nên không có lỗi trong vụ án. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe trên cho anh T2 là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

Đối với các dụng cụ để sử dụng ma túy gồm xi lanh, lọ đựng nước cất, bật lửa, vỏ gói ma túy. Sau khi sử dụng xong Q đã đốt cháy hết, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, loại bàn phím của Nguyễn Đình T sử dụng để liên lạc với T1 rủ T1 tổ chức sử dụng ma túy. Do T khai T sử dụng số điện thoại không đăng ký, không nhớ số điện thoại và chiếc điện thoại này đã bị rơi trên đường đi không xác định được vị trí rơi ở đâu nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại của Đỗ Xuân T1 dùng để nghe điện của Nguyễn Đình T là T1 mượn của bà Lê Thị V (là mẹ của T1). Sau khi mượn xong, T1 đã trả lại điện thoại cho bà V, bà V đánh rơi chiếc điện thoại vào nước, máy bị cài đặt lại nên không còn thông tin các cuộc gọi ngày 21/10/2024.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTT ngày 14/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Xuân T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS). Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS, đối với bị cáo Nguyễn Đình T, xử phạt bị cáo từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T3) năm tù**.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đỗ Xuân T1, đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T3) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo Đỗ Xuân T1 theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên toà: Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Xuân T1: Ông Đường Xuân A thống nhất với tội danh và Điều luật của Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T1 được hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo T1 do bị cáo là thành viên hộ cận nghèo.

Bị cáo Nguyễn Đình T và Đỗ Xuân T1 thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện học tập, cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người cùng sử dụng ma túy, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/10/2024, Nguyễn Đình T đã rủ Đỗ Xuân T1, sau đó T1 gặp và rủ Bùi Văn Q cùng đi sử dụng ma túy. T đưa cho T1 số tiền 400.000 đồng để T1 đi mua ma túy (loại Heroine). Sau khi mua được ma túy T1 đưa lại cho T cùng 03 xi lanh, 02 lọ nước cất để T pha chế ma túy vào xi lanh để T, T1, Q sử dụng tại cánh đồng mía gần chân cầu T thuộc thôn N, xã T, huyện T. Đến ngày 23/10/2024, nhận thức về hành vi phạm tội của mình, Nguyễn Đình T đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tự thú hành vi cùng Đỗ Xuân T1 tổ chức sử dụng cho Bùi Văn Q cùng sử dụng ma túy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Đình T có các tình tiết giảm nhẹ: "Tự thú", "Thành khẩn khai báo", bị cáo có bố mẹ là người có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Đỗ Xuân T1 có các tình tiết giảm nhẹ: "Đầu thú", "Thành khẩn khai báo", bị cáo có mẹ là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có tiền sự và bị cáo T1 có nhân thân xấu, phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng, do đó cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án hình sự mang tính chất rất nghiêm trọng có tính đồng phạm giản đơn do các bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Xuân T1 cùng thực hiện. Trong đó, bị cáo Nguyễn Đình T là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cung cấp số tiền 400.000 đồng để T1 đi mua ma túy đồng thời pha số ma túy mà T1 mua được với nước cất rồi bơm vào xi lanh, chia cho T1, Q sử dụng. Còn Đỗ Xuân T1 là người trực tiếp mua ma túy (cung cấp ma túy), chuẩn bị dụng cụ gồm xi lanh, nước cất đưa cho T để tổ chức sử dụng trái phép ma túy nên T, T1 có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có tài sản gì đáng giá, nghề nghiệp không ổn định. Bị cáo T1 là thành viên hộ nghèo. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về người đã bán ma túy cho Đỗ Xuân T1, do T1 khai không quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án là phù hợp.

[7] Đối với Bùi Văn Q là người được Đỗ Xuân T1 rủ đi cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình tổ chức sử dụng ma túy, Q không tham gia bàn bạc, góp tiền và không có vai trò trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng Q đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. UBND xã T đã lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Q. Ngày 13/11/2024, Bùi Văn Q bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Hiện nay Bùi Văn Q đang chấp hành quyết định trên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Thanh Hóa là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 Xe mô tô BKS: 36E1-026.51 nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen, cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 36E1-026.51 là tài sản của anh Nguyễn Minh T2 (sinh năm: 1984; trú tại khu phố E, thị

trấn K, T, Thanh Hóa- là anh rể của T). Khi T mượn chiếc xe này đi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy anh T2 không biết nên không có lỗi trong vụ án. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe trên cho anh T2 là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, loại bàn phím của Nguyễn Đình T sử dụng để liên lạc với T1 rủ T1 tổ chức sử dụng ma túy. Do T khai T sử dụng số điện thoại không đăng ký, không nhớ số điện thoại và chiếc điện thoại này đã bị rơi trên đường đi không xác định được vị trí rơi ở đâu nên cơ quan điều tra không thu giữ được, nên HĐXX không xem xét.

- Đối với chiếc điện thoại của Đỗ Xuân T1 dùng để nghe điện của Nguyễn Đình T là T1 mượn của bà Lê Thị V (là mẹ của T1). Sau khi mượn xong, T1 đã trả lại điện thoại cho bà V, bà V đánh rơi chiếc điện thoại vào nước, máy bị cài đặt lại nên không còn thông tin các cuộc gọi ngày 21/10/2024, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đỗ Xuân T1 được miễn án phí (Hộ cận Nghèo).

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Đình T.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Đỗ Xuân T1.

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Đình T, Đỗ Xuân T1** phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (23/10/2024).

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân T1 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (23/10/2024).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Xuân T1 (Bị cáo là thành viên hộ nghèo).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn